

Số: 94/TB-UBND

Xuân Sơn, ngày 8 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai danh mục 162 thủ tục hành chính đang thực hiện tại UBND xã Xuân Sơn

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố;

Căn cứ các Quyết định công bố danh mục TTHC và các văn bản liên quan thuộc các lĩnh vực như sau:

1. Lĩnh vực Tôn giáo

Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý đơn

Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra thành phố Hà Nội.

3. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng

Quyết định số 3662/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 v/v công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra thành phố Hà Nội

4. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng

Quyết định số 5819/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Thi đua khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

5. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính, danh mục TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

6. Lĩnh vực Tư pháp

Quyết định số 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; Danh mục TTHC liên thông với Bộ Tư pháp; TTHC liên thông trong nội bộ thành phố Hà Nội;

Quyết định 5116/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 QĐ về việc công bố thủ tục hành chính liên thông mới ban hành trong lĩnh vực tư thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa; Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên thông với Bộ Tư pháp.

Quyết định số 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên thông với Bộ Tư pháp.

7. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Gia đình

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 9/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.

8. Lĩnh vực Lao động – Thương binh và xã hội

Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC liên thông với cấp Trung ương; Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, các Sở chủ quản; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Lao động – thương binh và xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – thương binh xã hội, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định 1200/QĐ-UBND ngày 8/4/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

Quyết định 3089/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và xã hội thành phố Hà Nội.

9. Lĩnh vực Dân tộc

Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước của Ban Dân tộc thành phố Hà Nội.

10. Lĩnh vực Y tế

Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND T.P Hà Nội Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế thành phố Hà Nội.

11. Lĩnh vực Môi trường

Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC mới, TTHC bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Quyết định 1838/QĐ-UBND ngày 1/6/2022 UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC mới, TTHC bãi bỏ lĩnh Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ và viễn thám thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội

12. Lĩnh vực địa chính – đô thị

Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố bộ Danh mục TTHC lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội.

13. Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp thuộc

thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Quyết định số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội v/v công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố Hà Nội.

14. Lĩnh vực Đường thủy nội địa

Quyết định số 7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

15. Lĩnh vực Tài chính

Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

UBND xã Xuân Sơn thông báo niêm yết công khai 162 thủ tục hành chính và quy trình thực hiện 162 thủ tục hành chính thuộc 15 lĩnh vực tại UBND xã Xuân Sơn . Trong đó, có 162 TTHC thực hiện tại bộ phận “Tiếp nhận và trả kết quả TTHC (có danh mục kèm theo).

Vậy UBND xã Xuân Sơn thông báo để nhân dân trên địa bàn xã biết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy trình trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- UBND thị xã Sơn Tây;
- TT Đảng ủy, HĐND-UBND xã;
- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;
- Đài truyền thanh;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Gia Minh Huyện

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI TRỤ SỞ UBND XÃ XUÂN SƠN**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 94 /TB-UBND ngày 8/11/2022 của UBND xã Xuân Sơn)

		Ban hành kèm theo Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền	Mức độ thực hiện (2,3,4)	Cấp giải quyết (liên thông hoặc 1 cấp thực hiện)	Thời gian áp dụng/VB công bố	Quyết định công bố quy trình nội bộ
I	LĨNH VỰC TÔN GIÁO: 10			10				
1.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
2.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
3.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
4.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
5.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
6.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
7.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020

8.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
9.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
10.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QĐ số 3831	30/7/2018		DVC mức 4	UBND xã	30/7/2018	QĐ 317 ngày 15/01/2020
II	LĨNH VỰC THANH TRA: 04			07				
11.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QĐ số 551	26/01/2021		DVC mức 2	UBND xã	26/01/2021	
12.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QĐ số 551	26/01/2021		DVC mức 2	UBND xã	26/01/2021	
13.	Tiếp công dân tại cấp xã	QĐ số 551	26/01/2021		DVC mức 2	UBND xã	26/01/2021	
14.	Xử lý đơn tại cấp xã	QĐ số 551	26/01/2021		DVC mức 2	UBND xã	26/01/2021	
III	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG : 03							
15.	Thủ tục kê khai tài sản	QĐ số 3662	22/7/2021		DVC mức 2	UBND xã	22/7/2021	
16.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QĐ số 3662	22/7/2021		DVC mức 2	UBND xã	22/7/2021	
17.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QĐ số 3662	22/7/2021		DVC mức 2	UBND xã	22/7/2021	
IV	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG: 05			05				

18.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QĐ số 5819	18/10/2019		DVC mức 4	UBND xã	18/10/2019	
19.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QĐ số 5819	18/10/2019		DVC mức 4	UBND xã	18/10/2019	
20.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QĐ số 5819	18/10/2019		DVC mức 4	UBND xã	18/10/2019	
21.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QĐ số 5819	18/10/2019		DVC mức 4	UBND xã	18/10/2019	
22.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QĐ số 5819	18/10/2019		DVC mức 4	UBND xã	18/10/2019	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO: 05			5				
23.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QĐ số 492	07/02/2022		DVC mức 4	UBND xã	23/03/2022	QĐ 2876 ngày 02/7/2020
24.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ số 492	07/02/2022		DVC mức 4	UBND xã	23/03/2022	QĐ 2876 ngày 02/7/2020
25.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QĐ số 492	07/02/2022		DVC mức 4	UBND xã	23/03/2022	QĐ 2876 ngày 02/7/2020
26.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ số 492	07/02/2022		DVC mức 4	UBND xã	23/03/2022	QĐ 2876 ngày 02/7/2020
27.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QĐ số 492	07/02/2022		DVC mức 4	UBND xã	23/03/2022	QĐ 2876 ngày 02/7/2020

VI	LĨNH VỰC TƯ PHÁP: (40)			40				
	* LĨNH VỰC HỘ TỊCH(19)							
28.	Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi(trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)	QĐ số 5116	8/10/2015		DVC mức 4	TTHC liên thông	15/10/2015	
29.	Đăng ký khai sinh – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)	QĐ số 5116	8/10/2015		DVC mức 4	TTHC liên thông	15/10/2015	
30.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
31.	Đăng ký khai sinh thông thường	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
32.	Đăng ký kết hôn	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 3	UBND xã	25/8/2021	
33.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
34.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
35.	Đăng ký khai tử	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
36.	Đăng ký khai sinh lưu động	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 2	UBND xã	25/8/2021	
37.	Đăng ký kết hôn lưu động	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 2	UBND xã	25/8/2021	

38.	Đăng ký khai tử lưu động	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 2	UBND xã	25/8/2021	
39.	Đăng ký giám hộ	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
40.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
41.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
42.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
43.	Đăng ký lại khai sinh	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
44.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ, cá nhân	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
45.	Đăng ký lại kết hôn	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
46.	Đăng ký lại khai tử	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
	* LĨNH VỰC CHỨNG THỰC(11)							
47.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
48.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020

49.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ)	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
50.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
51.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
52.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
53.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
54.	Chứng thực di chúc	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
55.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
56.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
57.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ số 4713	20/10/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/10/2020	QĐ 805 ngày 19/02/2020
	* LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI(2)							
58.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	

59.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ số 4016	25/8/2021		DVC mức 4	UBND xã	25/8/2021	
	* LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC(1)							
60.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
	* LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT(2)							
61.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
62.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
	* LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ(5)							
63.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	TTHC liên thông	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
64.	Công nhận hòa giải viên	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
65.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020

66.	Thôi làm hòa giải viên	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
67.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ số 4304	13/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	13/8/2019	QĐ 805 ngày 19/02/2020
VII	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ GIA ĐÌNH: 07			7				
68.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
69.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
70.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
71.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
72.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
73.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
74.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QĐ số 867	09/3/2022		DVC mức 3,4	UBND xã	09/4/2022	QĐ 1912 ngày 28/4/2021
VIII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: 52			49				

	* LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG(29)							
75.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 3	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
76.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 3	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
77.	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QĐ số 4393	19/8/2019		DVC mức 3	TTHC liên thông	19/8/2019	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
78.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của TTCP, Bằng khen của Chủ tịch HDBT hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3	TTHC liên thông	04/8/2021	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
79.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - Pu – Chia	QĐ số 1200	08/4/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	09/4/2022	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
80.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công”	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	

81.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	
82.	Cấp đổi “Bằng Tổ quốc ghi công”	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	
83.	Cấp lại “Bằng Tổ quốc ghi công”	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	
84.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	
85.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quản lý	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Bộ	24/6/2022	
86.	Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
87.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “ Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
88.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	

89.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
90.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
91.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
92.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
93.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
94.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
95.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
96.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến, giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
97.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	

98.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
99.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
100.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
101.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
102.	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	TTHC liên thông cấp Sở	24/6/2022	
103.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QĐ số 2184	24/6/2022		DVC mức 4	UBND xã	24/6/2022	
	* LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI – GIẢM NGHÈO(14)							
104.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ở định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 4	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
105.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019

106.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ số 4393	19/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
107.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ số 4393	19/8/2019		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
108.	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm	QĐ số 1898	19/4/2019		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
109.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QĐ số 1898	19/4/2019		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
110.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
111.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
112.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
113.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019

114.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	19/8/2019	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
115.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	19/8/2019	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
116.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	19/4/2019	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
117.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	19/4/2019	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
	* LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI(2)							
118.	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	TTHC liên thông	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
119.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QĐ số 3089	7/9/2022		DVC mức 2	UBND xã	12/9/2022	
	* LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM(6)							

120.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
121.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
122.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
123.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
124.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QĐ số 6395	30/11/2018		DVC mức 2	UBND xã	30/11/2018	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
125.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QĐ số 3801	04/8/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	04/8/2021	QĐ 4396 ngày 19/8/2019
	* LĨNH VỰC VIỆC LÀM (HỖ TRỢ COVID-19) (01)							

126.	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QĐ số 5345	24/12/2021		DVC mức 3, 4	TTHC liên thông	24/12/2021	
IX	LĨNH VỰC DÂN TỘC : 03			02				
127.	Xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QĐ 2733	05/6/2018		DVC mức 2	TTHC liên thông	05/6/2018	
128.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QĐ 2733	05/6/2018		DVC mức 2	TTHC liên thông	05/6/2018	
X	LĨNH VỰC Y TẾ (01)			01				
129.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QĐ 4732	05/11/2021		DVC mức 2	UBND xã	05/11/2021	
XI	* LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG: 03							
130.	Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QĐ số 1040	25/3/2022		DVC mức 3, 4	UBND xã	25/3/2022	2583 ngày 25/7/2022
131.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ số 4128	13/8/2018		DVC mức 3, 4	UBND xã	13/8/2018	QĐ số 1368 ngày 06/4/2020
132.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QĐ số 1838	01/6/2022		DVC mức 2	TTHC liên thông	20/6/2022	

XII	LĨNH VỰC ĐỊA CHÍNH ĐÔ THỊ:8			8				
133.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
134.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
135.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
136.	Đăng ký, cấp giấy CNQSD Đ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
137.	Cấp giấy CNQSD quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
138.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “Đôn điền đổi thửa”	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	
139.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao khu kinh tế	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	TTHC liên thông	8/11/2022	

140.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QĐ 4135	31/10/2022		DVC mức 3	UBND xã	8/11/2022	
XIII	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: 11			11				
* Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường								
141.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
* Lĩnh vực Phòng chống thiên tai								
142.	Thủ tục: Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
143.	Thủ tục: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
144.	Thủ tục: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
145.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	

146.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
* Lĩnh vực thủy lợi								
147.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
148.	Thẩm định , phê duyệt phương án ứng phó thiên tai do công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền UBND xã	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
149.	Thẩm định , phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND xã	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	
* Lĩnh vực trồng trọt								
150.	Thủ tục: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QĐ số 4527	21/10/2021		DVC mức 3, 4	UBND xã	28/10/2021	

	* Lĩnh vực Bảo hiểm nông nghiệp							
151.	Thủ tục: Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QĐ số 394	20/01/2020		DVC mức 2	UBND xã	20/01/2020	QĐ 1640 ngày 21/4/2020
XIV	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 10			10				
152.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
153.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
154.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
155.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
156.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
157.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
158.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202

159.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
160.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
161.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QĐ số 7130	17/12/2019		DVC mức 3, 4	UBND xã	17/12/2019	QĐ 1094 ngày 17/3/202
XV	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH: 01			01				
162.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QĐ số 2389	10/6/2020		DVC mức 3,4	UBND xã	10/6/2020	